

Phụ lục số 28

Nội dung Báo cáo hoạt động quản lý quỹ mở của Công ty quản lý quỹ
(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

6 tháng đầu năm 2014

1. Thông tin về quỹ

- a) Tên của Quỹ/ loại hình Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF (VCBF-TBF)/ QUỸ MỞ CÂN BẰNG**
- b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: **Tổng lợi nhuận (tăng trưởng vốn cộng thu nhập) bằng cách đầu tư vào cổ phiếu và các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt**
- c) Thời hạn hoạt động của Quỹ (nếu có): **Không giới hạn**
- d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): **50% VNIndex +- 50% Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm**
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận: **công ty quản lý quỹ đề xuất dựa trên báo cáo kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được đại hội nhà đầu tư thông qua.**
- f) Số lượng đơn vị Quỹ đang lưu hành: **6.991.698,47**
- g) Nội dung thay đổi trong Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: **tại Đại hội nhà đầu tư thường niên ngày 15/04/2014, các nhà đầu tư đã thông qua các thay đổi trong Điều Lệ Quỹ theo biên bản đính kèm**
- h) Nội dung Nghị Quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: **vui lòng xem Nghị Quyết Đại hội nhà đầu tư đính kèm**
- i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: **Quỹ đã tuân thủ theo các nội dung quy định tại điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.**

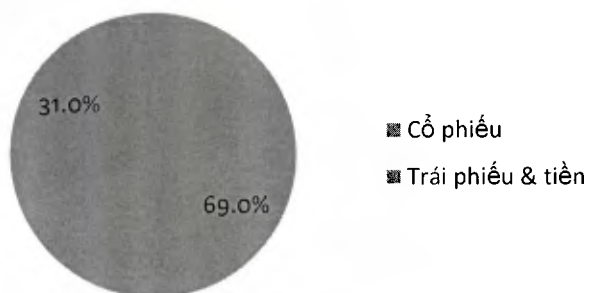
2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ

- a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo loại tài sản (cổ phiếu/trái phiếu/tiền...) tại thời điểm 30/06/2014:

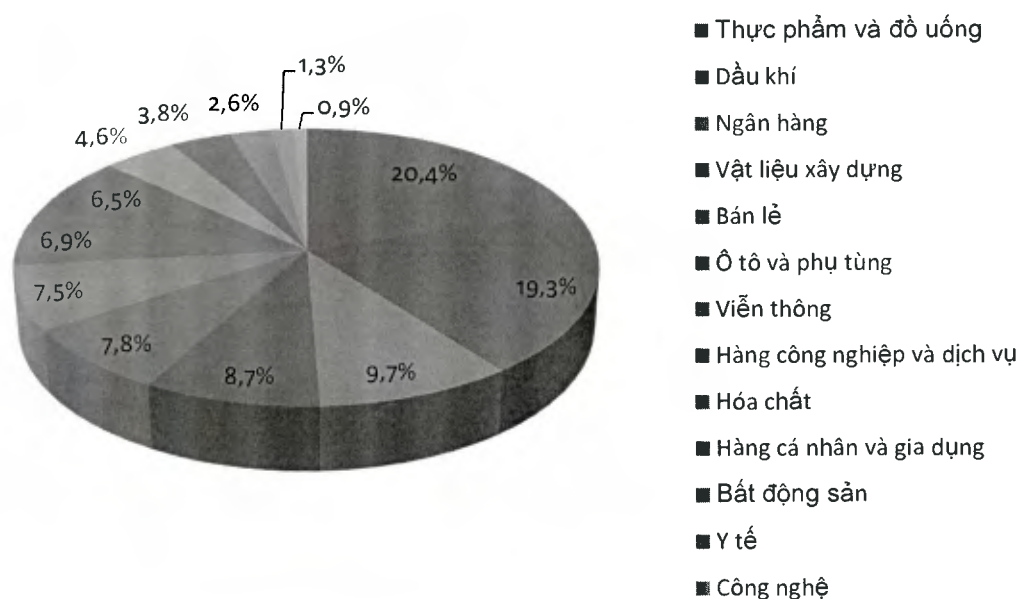
Cổ phiếu: 69,0%

Tiền và tương đương tiền: 31,0%



- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực tại ngày 30/06/2014 (hiện tại Quỹ mới đầu tư vào cổ phiếu niêm yết)

Thực phẩm và đồ uống	20,4%
Dầu khí	19,3%
Ngân hàng	9,7%
Vật liệu xây dựng	8,7%
Bán lẻ	7,8%
Ô tô và phụ tùng	7,5%
Viễn thông	6,9%
Hàng công nghiệp và dịch vụ	6,5%
Hóa chất	4,6%
Hàng cá nhân và gia dụng	3,8%
Bất động sản	2,6%
Y tế	1,3%
Công nghệ	0,9%



QUỸ
HOA

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ: VNĐ 73.976.386.490
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: VNĐ 10.580,60
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 6.991.698,47 Chứng Chỉ Quỹ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/ thấp nhất trong năm:

Cao nhất: VNĐ 10.787,45 (ngày 10/04/2014)

Thấp nhất: VNĐ 9.781,44 (ngày 14/05/2014)

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

Tổng thu nhập của quỹ: VNĐ 2.200.484.090, trong đó

+ Thu nhập từ lãi tiền gửi: VNĐ 140.143.399

+ Thu nhập từ cổ tức: VNĐ 176.400.000

+ Thu nhập từ bán chứng khoán: VNĐ 780.650

+ Thu nhập từ chênh lệch tăng giá chứng khoán: VNĐ 1.846.881.350

+ Thu nhập khác: VNĐ 36.278.691

Tổng chi phí của quỹ: VNĐ 135.695.462

Lợi nhuận của quỹ: VNĐ 2.064.788.628

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: **Quỹ chưa phân phối lợi nhuận trong năm 2014**

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý I/2014: 2,21%

Tỷ lệ chi phí cuối quý II/2014: 2,27%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý I/2014: 58,36%

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II/2014: 53,07%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): **5,8%**
- trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): **Không có.**
- trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): **Không có.**

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: **phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá lập bởi Công ty quản lý quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi Ngân hàng giám sát Deutsche Bank**

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: **giá chứng khoán được Reuter's cung cấp**

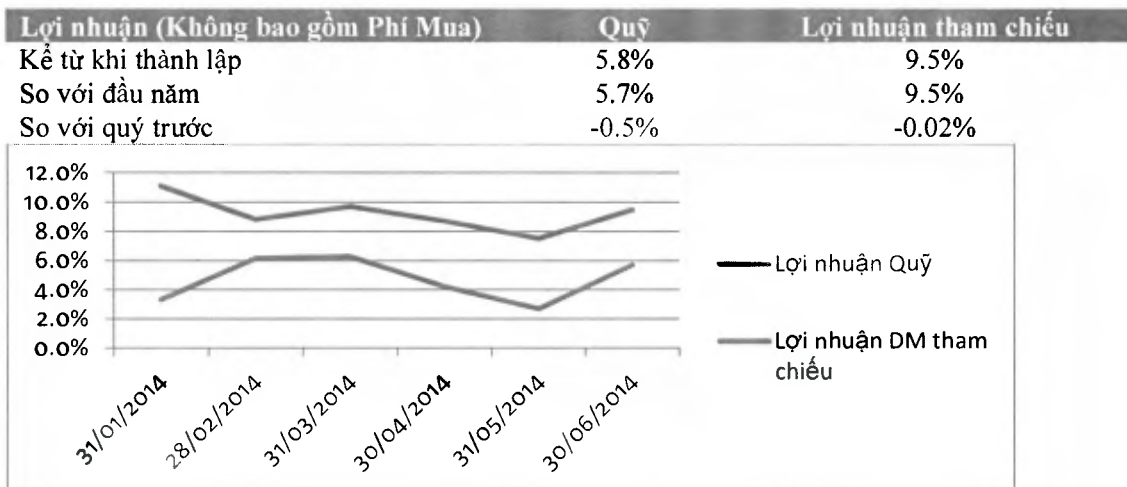
3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ:

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: **Không có.**

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: **Quỹ vẫn theo đuổi mục tiêu đầu tư đề cập trong Bản Cáo Bạch**

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



* Lợi nhuận của Quỹ và lợi nhuận của danh mục tham chiếu được tính từ đầu năm (YTD)

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): **không có**

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: **Chiến thuật và chiến lược đầu tư trong kỳ theo sát chiến lược và chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch.**

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: **không có**

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: **trong thời gian Quỹ hoạt động từ ngày cấp giấy phép 24/12/2013 đến ngày 30/06/2014**

- **Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá đầu tiên 26/12/2013: VNĐ 9.998,88**

- **Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá 30/06/2014: VNĐ 10.580,60, tăng 5,82% so với thời điểm thành lập quỹ, tăng 5,7% so với đầu năm**

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

- **Thị trường cổ phiếu: Trong kỳ báo cáo, VN-Index tăng 73,5 điểm từ 504,63 (đầu năm) lên 578,13 (ngày 30/06/2014), tương đương với 14,57%.**
- **Thị trường trái phiếu: không có biến động mạnh trên thị trường trái phiếu trong giai đoạn báo cáo. Lợi suất trái phiếu có xu hướng giảm từ đầu năm do lãi suất và lạm phát giảm**

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): **Không có.**

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: **Không có.**

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): **Không có.**

m) Các thông tin khác (nếu có): **Không có.**

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát: nội dung như trình bày trong báo cáo giám sát của Ngân Hàng Deustche.

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ mở đối với các nội dung sau:

- Trong kỳ không có sự thay đổi về Ngân hàng Giám sát.
- Hoạt động đầu tư

Quỹ nhận giấy phép hoạt động số 07/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 24/12/2013. Tính đến ngày 30/06/2014, các khoản đầu tư của Quỹ vẫn đang được tiến hành và tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Đánh giá hoạt động quản lý quỹ: Cho đến ngày 30/06/2014, tổng giá trị danh mục của Quỹ là VND74.194.504.756; trong đó có 68,77% tổng tài sản Quỹ đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và 30,06% tổng tài sản Quỹ đầu tư vào tiền và các khoản tương đương tiền.

Loại tài sản	Tổng giá trị (VNĐ)	%/Tổng giá trị tài sản của quỹ
• Cổ phiếu niêm yết	51.021.172.000	68,77%
• Các tài sản khác	-	-
Cổ tức được nhận	176.400.000	0,24%
Lãi được nhận	693.022.859	0,93%
Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	-
Tổng	869.422.859	1,17%

• Tiền và các khoản tương đương tiền	22.303.909.897	30,06%
Tổng giá trị danh mục	74.194.504.756	100,00%

c) Hoạt động định giá tài sản ròng: (Đơn vị tính: VNĐ)

Trong kỳ, việc xác định giá trị tài sản ròng do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo 30/06/2014	Kỳ trước 31/12/2013	Lũy kế từ đầu năm
Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	60.482.218.169	-	60.482.218.169
Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	13.494.168.321	60.482.218.169	13.494.168.321
Trong đó			
Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	3.524.588.491	55.603.669	3.524.588.491
Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-	-
Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phát hành thêm/mua lại chứng chỉ quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	9.969.579.830	60.426.614.500	9.969.579.830
Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	73.976.386.490	60.482.218.169	73.976.386.490

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ Quỹ:

Trong kỳ, việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu kỳ và giao dịch trong kỳ được chi tiết như sau (bao gồm tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư và số lượng nhà đầu tư giao dịch)

Đơn vị tính: Giá trị: VND; Số lượng: Chứng Chỉ Quỹ

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
• Quy mô quỹ đầu kỳ		
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	60.426.614.500	-
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	6.042.661,45	-
• Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	1.300.883,45	6.042.661,45
Giá trị vốn thực huy động trong kỳ	13.008.834.500	60.426.614.500
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(351.846,43)	-
Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư	(3.518.464.300)	-
• Quy mô quỹ cuối kỳ		
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành	69.916.984.700	60.426.614.500
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	6.991.698,47	6.042.661,45
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người liên quan cuối kỳ	74,78%	86,04%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	84,97%	90,12%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	37,27%	43,04%
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	293,00	290,00
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối tháng	10.580,60	10.009,20

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ:

Trong kỳ Quỹ chưa thực hiện phân chia lợi nhuận

f) Các hoạt động khác của Quỹ:

Trong kỳ, Quỹ thực hiện tuân thủ các quy định về họp Ban Đại diện Quỹ được nêu tại điều lệ quỹ, cụ thể:

❖ Trong Quý I năm 2014, cuộc họp ban đại diện quỹ đã được tiến hành với thông tin như sau:

- Thời gian : 10 giờ sáng ngày 20/03/2014
- Hình thức : họp thông qua điện thoại
- Thành phần tham dự : 100% thành viên ban đại diện quỹ và đại diện Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát không tham gia vào cuộc họp này.
- Nội dung :
 - Báo cáo hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc tập huấn cho các đại lý phân phối, phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu, đăng ký thành lập và hoạt động của quỹ VCBF-TBF từ ngày 02/01/2014 đến ngày 28/02/2014.
 - Tổ chức đại hội nhà đầu tư thường niên cho quỹ VCBF-TBF vào tháng 04 năm 2014
 - Xác nhận của ban đại diện quỹ về việc thông qua danh sách các nhà cung cấp dịch vụ báo giá
 - Chính sửa và thông qua Sổ tay định giá vào ngày 20/03/2014

❖ Trong tháng 3 năm 2014, Công ty quản lý quỹ cũng đã bắt đầu tiến hành các công tác chuẩn bị Đại hội Nhà đầu tư thường niên cho quỹ diễn ra vào tháng 04 năm 2014.

❖ Trong Quý II năm 2014, Đại hội Nhà đầu tư thường niên đã được tiến hành với thông tin như sau:

- Thời gian : 8:30 – 11:30 sáng ngày 15/04/2014
- Địa điểm : Khách sạn Majestic, Số 1 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Thành phần tham dự : Người sở hữu đơn vị quỹ, Ban đại diện quỹ & Đại diện Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ.
- Nội dung :
 - Báo cáo tỷ lệ sở hữu đơn vị quỹ tham dự Đại hội
 - Báo cáo kết quả hoạt động và tài chính của Quỹ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
 - Cập nhật hoạt động của quỹ tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2014
 - Báo cáo tổng kết hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát năm 2013
 - Biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho Ban đại diện quỹ quyết định một số vấn đề thay mặt cho Đại hội nhà đầu tư và thông qua các điều chỉnh, bổ sung đối với Điều lệ quỹ.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền) như dịch vụ đại lý chuyên nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ: Ngân hàng Deutsche Bank nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, xác định giá trị tài sản ròng, đại lý chuyển nhượng.

- Chi phí trả cho dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng: VNĐ 15.565.674 chiếm 2,1% tổng chi phí hoạt động.
- Chi phí trả cho dịch vụ chuyển nhượng: VNĐ 17.754.397 chiếm 2,4% tổng chi phí hoạt động.
- Chi phí trả cho dịch vụ ngân hàng lưu ký: VNĐ 14.150.611 chiếm 1,9% tổng chi phí hoạt động.
- Chi phí trả cho dịch vụ ngân hàng giám sát: VNĐ 15.565.673 chiếm 2,1% tổng chi phí hoạt động.
- Chi phí giao dịch trả cho ngân hàng lưu ký: VNĐ 23.520.000 chiếm 3,2% tổng chi phí hoạt động.

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: **Không có.**

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty quản lý quỹ). **Tổng chi phí trả cho Deutsche Bank cho dịch vụ ủy quyền là VNĐ 88.024.309**

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: **Trong quá trình hoạt động của Quỹ, bên nhận ủy quyền đã bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư. VCBF sẽ tiến hành đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng Deutsche Bank vào quý III của năm 2014.**



Nguyễn Trung Nam

Phó Tổng Giám Đốc



Phụ Lục 26 - Mẫu Báo Cáo Thay Đổi Giá Trị Tài Sản Ròng Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư 183 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
BÁN NIÊN 2014

Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 Tên Ngân Hàng Giám Sát: Deutsche Bank AG, Chi nhánh Hồ Chí Minh
 Kỳ báo cáo: Từ 01/01/2014 Tới 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
Quỹ đầu tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (VCBF-TBF)			
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) đầu kỳ	60,482,218,169	-
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước (=II.1 + II.2), trong đó	3,524,588,491	55,603,669
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ	3,524,588,491	55,603,669
	II.2 Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (=III.1 - III.2)	9,969,579,830	60,426,614,500
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	13,597,449,075	60,426,614,500
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(3,627,869,245)	-
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ cuối kỳ (= I + II + III)	73,976,386,490	60,482,218,169

Ngân Hàng Giám Sát



Đặng Vũ Hoài Diệu
 Trưởng Phòng Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản
 Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG
 Chi nhánh Tp. HCM



Đinh Thị Thanh Thảo
 Giám Đốc Nghiệp Vụ
 Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG
 Chi nhánh Tp. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2014



PTổng Giám Đốc

Công ty Quản lý Quỹ
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Nam

**Phụ Lục số 27 - Bản thống kê phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư 183 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)**


**THỐNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH CỦA CÁC QUỸ
BẢN NIÊN 2014**

Tên của Công ty quản lý quỹ: Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội
Tên của Quỹ: Quỹ đầu tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (VCBF-TBF)
Kỳ báo cáo: từ 1/1/2014 tới 30/6/2014

đơn vị tính: VND

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong năm	Quan hệ với công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ (VND)	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ (VND)	Tỷ lệ giao dịch của quỹ qua từng công ty chứng khoán		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	không có liên quan	13,126,848,000.00	38,850,528,000.00	33.79	0.15	0.15
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	không có liên quan	23,096,657,000.00	38,850,528,000.00	59.45	0.15	0.15
3	Công ty Chứng khoán Vietcombank	có liên quan	2,627,023,000.00	38,850,528,000.00	6.76	0.15	0.15
Tổng			38,850,528,000.00	38,850,528,000.00	100.00		

Tp.HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2014



PTổng Giám Đốc
 Công ty Quản lý Quỹ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Nam

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
BÁN NIÊN 2014**

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank
 2. Tên Ngân Hàng Giám Sát: Deutsche Bank AG, Chi nhánh HCM
 3. Tên quỹ: Quỹ đầu tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF
 4. Ngày lập báo cáo: Từ 01/01/2014 Tới 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

I. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/ cùng kỳ năm trước (*)
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	22,303,909,897	57,668,964,657	-
	Tiền	-	-	-
	Tiền gửi ngân hàng	249,743,230	11,166,947,888	-
	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	5,054,166,667	41,502,016,769	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	17,000,000,000	5,000,000,000	-
I.2	Các khoản đầu tư	51,021,172,000	10,971,321,000	-
	Cổ phiếu	51,021,172,000	10,971,321,000	-
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận	176,400,000	-	-
1	Cổ tức, trái tức được nhận	176,400,000	-	-
2	Trái tức được nhận	-	-	-
I.4	Lãi được nhận	693,022,859	43,133,401	-
I.5	Tiền bán chứng khoán nhờ thu	-	-	-
I.6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I.7	Các tài sản khác	-	-	-
I.8	Tổng tài sản	74,194,504,756	68,683,419,058	-
STT	Nợ phải trả	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/ cùng kỳ năm trước (*)
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	-	7,756,423,000	-
	Cổ phiếu	-	7,756,423,000	-
	Trái Phiếu	-	-	-
II.2	Các khoản phải trả khác	218,118,266	444,777,889	-
1	Phải trả phí phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ cho Đại lý phân phối	39,983,552	142,338,681	-
2	Phải trả phí phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ cho Cty QLQ	31,844,796	142,340,739	-
3	Phải trả thuế	3,627,871	-	-
4	Phải trả do việc mua lại chứng chỉ quỹ	-	-	-
5	Phải trả phí lưu ký	2,391,499	530,153	-
6	Phải trả phí quản trị quỹ	2,630,650	583,169	-
7	Phải trả phí quản lý quỹ	89,681,209	19,880,750	-
8	Phải trả Phí ngân hàng giám sát	2,630,650	583,169	-
9	Phải trả Phí đại lý chuyển nhượng	2,630,650	583,169	-
10	Phải trả Phí môi giới	-	11,634,635	-
11	Phải trả Phí kiểm toán	11,862,746	-	-
12	Thù lao ban đại diện	19,282,175	1,753,424	-
13	Phải trả thuế thu nhập Lương Ban Đại Diện Quỹ	2,142,468	-	-
14	Chi phí Ban Đại Diện	-	-	-
15	Phải trả khác - hợp đồng repo	-	-	-
16	Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán	2,310,000	3,150,000	-
17	Lãi trả trước	-	-	-
18	Phải trả vay ngắn hạn	-	-	-
19	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	-
20	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	-	-
21	Phải trả chi phí lãi vay	-	-	-
22	Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	-	-	-
23	Chi phí tư vấn pháp lý	-	-	-
24	Chi phí tư vấn đầu tư	-	-	-
25	Chi phí tư vấn định giá	-	-	-
26	Dịch vụ quỹ mở Phí khác	-	-	-
27	Phải trả chi phí hợp, Đại hội Nhà Đầu Tư Quỹ mở	-	-	-
28	Chi phí thanh lý tài sản	-	-	-
29	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	7,100,000	121,400,000	-
30	Doanh thu ghi nhận trước	-	-	-
31	Các khoản phải trả khác	-	-	-
32	Chi phí quản lý khác	-	-	-
33	Chi phí báo cáo thường niên	-	-	-
II.3	Tổng nợ	218,118,266	8,201,200,889	-
	Giá trị tài sản ròng của quỹ (I.8-II.3)	73,976,386,490	60,482,218,169	-
	Tổng số đơn vị quỹ	6,991,698.47	6,042,661.45	-
	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10,580.60	10,009.20	-

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I.	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	1,878,323,660	68,981,348	1,878,323,660
1	Cổ tức, trái tức được nhận	693,098,000	-	693,098,000
	Cổ tức được nhận	693,098,000	-	693,098,000
	Trái tức được nhận	-	-	-
2	Lãi được nhận	1,148,946,969	68,981,348	1,148,946,969
3	Các khoản thu nhập khác	36,278,691	-	36,278,691
II	Chi phí	784,778,169	46,535,679	784,778,169
1	Phí quản lý quỹ	520,110,598	19,880,750	520,110,598
2	Phí lưu ký, phí ngân hàng giám sát	54,704,238	4,263,322	54,704,238
2.1	Phí dịch vụ lưu ký	14,150,611	530,153	14,150,611
2.2	Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán	23,520,000	3,150,000	23,520,000
2.3	Phí giám sát	15,565,673	583,169	15,565,673
2.4	Phí lưu ký chứng khoán trả cho VSD	1,467,954	-	1,467,954
3	Phí quản trị quỹ, phí đại lý chuyên nhượng	33,320,071	1,166,338	33,320,071
3.1	Phí quản trị quỹ	15,565,674	583,169	15,565,674
3.2	Phí đại lý chuyên nhượng	17,754,397	583,169	17,754,397
4	Phí kiểm toán	11,862,746	-	11,862,746
5	Chi phí dịch vụ pháp lý, báo giá, thù lao trả ban đại diện quỹ	39,671,219	1,753,424	39,671,219
5.1	Thù lao ban đại diện	39,671,219	1,753,424	39,671,219
5.3	Phí cung cấp giá chứng khoán	-	-	-
6	Chi phí dự thảo, in ấn, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản, tài liệu nhà đầu tư, chi phí tổ chức họp, ban đại diện quỹ;	27,398,179	-	27,398,179
6.1	Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	17,874,179	-	17,874,179
6.2	Chi phí báo cáo thường niên	-	-	-
6.3	Chi phí Ban Đại Diện	9,524,000	-	9,524,000
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản quỹ	58,275,790	16,407,245	58,275,790
8	Chi phí lãi vay	-	-	-
9	Các loại phí khác	39,435,328	3,064,600	39,435,328
9.1	Phí ngân hàng	4,785,328	3,064,600	4,785,328
9.2	Phí in ấn	-	-	-
9.3	Dịch vụ bưu chính	-	-	-
9.4	Phí quảng cáo	-	-	-
9.5	Dịch vụ quỹ mở - DBDI	34,650,000	-	34,650,000
9.6	Phí khác	-	-	-
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	1,093,545,491	22,445,669	1,093,545,491
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	2,431,043,000	33,158,000	2,431,043,000
1	Lãi (lỗ) từ thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	19,936,000	-	19,936,000
2	Thay đổi giá trị các khoản đầu tư trong kỳ	2,411,107,000	33,158,000	2,411,107,000
V	Thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	3,524,588,491	55,603,669	3,524,588,491
VI	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	60,482,218,169	-	60,482,218,169
VII	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	13,494,168,321	60,482,218,169	13,494,168,321
	Trong đó			
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	3,524,588,491	55,603,669	3,524,588,491
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-	-
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phát hành thêm/mua lại chứng chỉ quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	9,969,579,830	60,426,614,500	9,969,579,830
VIII	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	73,976,386,490	60,482,218,169	73,976,386,490

06-L
CÔNG
LIÊN Đ
IN LÝ QU
CHỨNG K
/IETCOM
KIỂM

IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Các chỉ tiêu về hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý quỹ/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1.49%	1.50%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, phí giám sát/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.16%	0.08%
3	Tỷ lệ phí quản trị quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác cho tổ chức cung cấp dịch vụ/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.10%	0.01%
4	Chi phí kiểm toán (phát sinh)/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.03%	-
5	Chi phí dịch vụ pháp lý, báo giá, thù lao ban đại diện quỹ/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.11%	1.92%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2.24%	3.51%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + Tổng giá trị danh mục bán ra) / Giá trị tài sản ròng trung bình (%)	55.53%	412.72%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	60,426,614,500	-
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	6,042,661.45	-
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	1,300,883.45	6,042,661.45
	Giá trị vốn thực huy động trong kỳ	13,008,834,500	60,426,614,500
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(351,846.43)	-
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư	(3,518,464,300)	-
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành	69,916,984,700	60,426,614,500
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	6,991,698.47	6,042,661.45
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người liên quan cuối kỳ	74.78%	86.04%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	84.97%	90.12%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	37.27%	43.04%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	293.00	290.00
8	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối tháng	10,580.60	10,009.20

Ngân Hàng Giám Sát

(Handwritten signature)

Đặng Vũ Hoài Diệu
 Trưởng Phòng Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản
 Ngân hàng, Giám Sát Deutsche Bank AG
 Chi nhánh Tp. HCM



Đinh Thị Thanh Thảo
 Giám Đốc Nghiệp Vụ
 Ngân hàng Giám Sát Deutsche Bank AG
 Chi nhánh Tp. HCM



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Nam

